

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN AN BÌNH**

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-29
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11-29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch
Ông Bùi Trung Kiên	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Tuyền	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đào Mạnh Kháng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Ủy viên
Bà Hoàng Tú Uyên	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tổng Giám đốc 



Nguyễn Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu các hợp đồng hợp tác đầu tư đã quá hạn thanh toán trong năm 2012 với số tiền 13,970 tỷ đồng, dẫn đến chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 đang phản ánh tăng số tiền tương ứng. Trong 6 tháng đầu năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 2,23 tỷ đồng dẫn đến số dự phòng chưa được trích lập tại ngày 30/06/2013 là 11,739 tỷ đồng làm chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013 đang phản ánh giảm số tiền 2,23 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2013 phản ánh tăng 11,739 tỷ đồng.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên

Lê Đức Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		422.864.101.081	273.324.042.609
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	199.995.806.767	102.136.943.628
111	1. Tiền		199.995.806.767	82.136.943.628
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	68.496.067.091	57.937.230.736
121	1. Đầu tư ngắn hạn		92.020.101.774	81.505.259.911
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(23.524.034.683)	(23.568.029.175)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	151.387.161.191	111.164.147.423
131	1. Phải thu của khách hàng		11.206.160.880	13.582.733.000
132	2. Trả trước cho người bán		514.625.793	3.534.718.400
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		2.046.267.383	1.999.523.661
138	5. Các khoản phải thu khác		143.275.968.865	95.454.293.029
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.655.861.730)	(3.407.120.667)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.985.066.032	2.085.720.822
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.198.765.032	1.322.319.933
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	786.301.000	763.400.889
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		181.725.661.269	183.472.233.932
220	II. Tài sản cố định		153.247.829.992	155.973.098.315
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	15.351.718.698	16.433.169.172
222	- Nguyên giá		28.950.386.269	29.248.242.514
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.598.667.571)	(12.815.073.342)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	137.896.111.294	78.039.929.143
228	- Nguyên giá		151.561.031.385	90.081.031.385
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.664.920.091)	(12.041.102.242)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	61.500.000.000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10	20.000.000.000	20.000.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		20.000.000.000	20.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.477.831.277	7.499.135.617
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	254.465.587	165.058.379
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	7.502.382.274	6.708.580.222
268	4. Tài sản dài hạn khác		720.983.416	625.497.016
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		604.589.762.350	456.796.276.541

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		224.752.101.286	79.655.096.202
310	I. Nợ ngắn hạn		224.752.101.286	79.655.096.202
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	105.028.154.835	-
312	2. Phải trả người bán		783.980.362	799.802.044
313	3. Người mua trả tiền trước		117.500.000	105.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	609.991.527	373.391.436
315	5. Phải trả người lao động		410.212.208	1.462.866.396
316	6. Chi phí phải trả	15	586.518.545	569.700.999
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	116.484.524.930	75.302.867.026
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	670.743.069	561.679.501
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		60.475.810	479.788.800
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		379.837.661.064	377.141.180.339
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	379.837.661.064	377.141.180.339
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	397.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		5.973.357.884	5.973.357.884
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(23.135.696.820)	(25.832.177.545)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		604.589.762.350	456.796.276.541

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

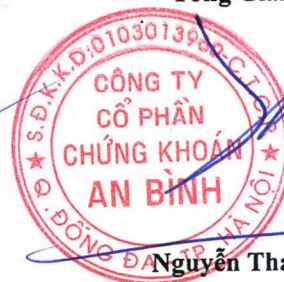
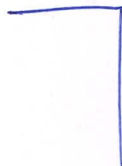
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
006	6. Chứng khoán lưu ký		2.110.842.270.000	2.130.119.210.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		1.964.318.060.000	2.006.615.350.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		10.462.790.000	11.323.240.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		1.948.016.520.000	1.995.256.360.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		5.838.750.000	35.750.000
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		68.071.530.000	36.786.630.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch khách hàng trong nước		68.071.530.000	36.786.630.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		41.142.000.000	19.142.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		41.142.000.000	19.142.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		29.874.400.000	59.146.200.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		19.900.000	20.100.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		29.854.500.000	59.126.100.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		7.436.280.000	8.429.030.000
038	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		870.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		7.435.410.000	8.429.030.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		39.038.200.000	39.038.200.000

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Vân

Lương Thành Trung

Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	19	23.876.469.464	33.975.796.674
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		9.333.554.616	11.095.651.378
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		207.341.522	2.362.183.488
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		834.941.380	302.414.292
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		728.636.976	539.409.746
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		145.366.547	-
01.9	Doanh thu khác		12.626.628.423	19.676.137.770
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	23.876.469.464	33.975.796.674
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	4.303.482.610	12.534.005.723
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		19.572.986.854	21.441.790.951
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	16.897.145.055	16.379.496.677
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.675.841.799	5.062.294.274
31	8. Thu nhập khác		20.638.926	2.753.192
32	9. Chi phí khác		-	519.536.682
40	10. Lợi nhuận khác		20.638.926	(516.783.490)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.696.480.725	4.545.510.784
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.696.480.725</u>	<u>4.545.510.784</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	68	114

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc *huy*

Phạm Thị Vân

Lương Thành Trung



Phạm Thị Vân

Lương Thành Trung

Nguyễn Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.696.480.725	4.545.510.784
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.603.350.399	2.956.745.094
03	- Các khoản dự phòng		2.204.746.571	(1.154.894.933)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.807.832.686)	(21.283.526.842)
06	- Chi phí lãi vay		660.678.798	2.116.183.691
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.642.576.193)	(12.819.982.206)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(43.288.456.994)	(49.705.280.690)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		(10.514.841.863)	16.380.896.437
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		40.048.850.249	64.058.337.304
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(811.084.383)	795.629.377
13	- Tiền lãi vay đã trả		(660.678.798)	(2.195.475.359)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40.638.926	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(116.125.326)	(9.208.332)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(21.944.274.382)	16.504.916.531
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(32.850.000)	(76.925.000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.807.832.686	21.283.526.842
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		14.774.982.686	21.206.601.842
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.738.028.154.835	263.169.996.361
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.633.000.000.000)	(172.114.478.517)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		105.028.154.835	91.055.517.844
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		97.858.863.139	128.767.036.217
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		102.136.943.628	62.038.899.992
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	199.995.806.767	190.805.936.209

Người lập

Phạm Thị Vân

Kế toán trưởng

Lương Thành Trung

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Hải

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397.000.000.000	-	-	397.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		5.973.357.884	-	-	5.973.357.884
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(32.195.089.851)	4.545.510.784	-	(27.649.579.067)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		370.778.268.033	4.545.510.784	-	375.323.778.817

Tổng Giám đốc *nh*

**CÔNG TY
CƠ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
AN BÌNH**

Nguyễn Thanh Hải

010301
CÔNG
CỔ PH
CHỨNG
AN
ĐỒNG Đ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013***1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10 tháng 12 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại 101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 397.000.000.000 đồng; tương đương 39.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	P201 - Tòa nhà 161-163-165 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP HCM
- Chi nhánh Hải Phòng	Số 97 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, TP Hải Phòng
- Chi nhánh Đà Nẵng	Số 9 Yên Bái, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Chi nhánh Thái Bình	Số 399 Lê Quý Đôn, Phường Lê Hồng Phong, TP Thái Bình
- Chi nhánh Bắc Ninh	Số 10 Nguyễn Đăng Đạo, Phường Tiến An, TP Bắc Ninh
- Chi nhánh Vũng Tàu	Số 21 Lê Lợi, Thành Phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Phòng Giao dịch Mỹ Đình	Số 26+28 Lê Trọng Tấn, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, theo đó nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn tối đa là 3 năm.

2.7. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.14. Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	2.973.154	79.068.870.937
- Cổ phiếu	2.973.154	79.068.870.937
Của người đầu tư	365.977.000	3.979.205.000.000
- Cổ phiếu	365.577.000	3.936.540.000.000
- Trái phiếu	400.000	42.665.000.000
	368.950.154	4.058.273.870.937

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	85.756.531.615	7.750.418.730
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	114.239.275.152	74.386.524.898
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	199.995.806.767	102.136.943.628

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			92.020.101.774	81.505.259.911	208.991.889	969.333.503	(23.524.034.683)	(23.568.029.175)	68.705.058.980	58.906.564.239
Chứng khoán niêm yết			16.681.980.800	6.167.138.937	208.991.889	312.995.465	(522.891.689)	(569.584.334)	16.368.081.000	5.910.550.068
- DPM	250.006	6	10.460.315.664	189.664	-	25.136	(460.075.664)	-	10.000.240.000	214.800
- MBB	118.541	390.019	1.404.326.951	4.762.259.751	160.414.249	112.977.749	-	-	1.564.741.200	4.875.237.500
- GAS	80.000	-	4.615.000.000	-	25.000.000	-	-	-	4.640.000.000	-
- NDN	123	77.963	957.385	801.008.823	-	-	(293.185)	(380.008.623)	664.200	421.000.200
- PXL	88	30.081	570.418	201.999.818	-	-	(315.218)	(102.732.518)	255.200	99.267.300
- Cổ phiếu lẻ			200.810.382	401.680.881	23.577.640	199.992.580	(62.207.622)	(86.843.193)	162.180.400	514.830.268
Chứng khoán Upcom			2.742.353	2.742.353	-	-	(2.698.153)	-	44.200	2.742.353
- Cổ phiếu lẻ			2.742.353	2.742.353	-	-	(2.698.153)	-	44.200	2.742.353
Chứng khoán chưa niêm yết			55.422.792.288	55.422.792.288	-	656.338.038	(22.994.058.508)	(22.994.058.508)	32.428.733.780	33.085.071.818
- Ngân hàng TMCP An Bình	2.765.584	2.765.584	47.828.111.652	47.828.111.652	-	-	(22.661.297.252)	(22.661.297.252)	25.166.814.400	25.166.814.400
- Công ty CP Kỹ Thuật Xây Dựng và Vật Liệu Xây Dựng	100.000	100.000	320.000.000	320.000.000	-	-	-	-	320.000.000	320.000.000
- Công ty CP Hóa dầu Dầu khí VIDAMO	197.500	197.500	1.726.024.418	1.726.024.418	-	-	-	-	1.726.024.418	1.726.024.418
- Công ty CP Bất Động Sản Exim	702.000	702.000	4.233.677.505	4.233.677.505	-	606.322.495	-	-	4.233.677.505	4.840.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	10.036	10.036	206.996.256	206.996.256	-	-	(56.456.256)	(56.456.256)	150.540.000	150.540.000
- Ngân hàng TMCP Phương Tây	75.700	75.700	957.605.000	957.605.000	-	-	(276.305.000)	(276.305.000)	681.300.000	681.300.000
- Công ty CP Phát triển KCN Tin Nghĩa	53.000	53.000	150.377.457	150.377.457	-	50.015.543	-	-	150.377.457	200.393.000
Chứng khoán khác			19.912.586.333	19.912.586.333	-	-	(4.386.333)	(4.386.333)	19.908.200.000	19.908.200.000
- Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam	200.000	200.000	19.908.200.000	19.908.200.000	-	-	-	-	19.908.200.000	19.908.200.000
- Cổ phiếu lẻ đã hủy niêm yết			4.386.333	4.386.333	-	-	(4.386.333)	(4.386.333)	-	-
			92.020.101.774	81.505.259.911	208.991.889	969.333.503	(23.524.034.683)	(23.568.029.175)	68.705.058.980	58.906.564.239



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	13.582.733.000	98.926.000	-	8.957.077.418	11.333.649.538	11.206.160.880	116.926.000	-	(116.926.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	274.334.000	98.926.000	-	745.566.418	832.799.538	187.100.880	116.926.000	-	(116.926.000)
- Phải thu hoạt động tự doanh	13.308.399.000	-	-	8.211.511.000	10.500.850.000	11.019.060.000	-	-	-
Trả trước cho người bán	3.534.718.400	-	-	698.257.893	3.718.350.500	514.625.793	-	-	-
- Ứng trước về mua hàng hóa dịch vụ	3.534.718.400	-	-	698.257.893	3.718.350.500	514.625.793	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	1.999.523.661	1.390.282.667	-	10.659.059.855	10.612.316.133	2.046.267.383	1.390.282.667	-	(1.390.282.667)
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	609.240.994	-	-	10.659.059.855	10.612.316.133	655.984.716	-	-	-
- Phải thu thành viên khác	1.390.282.667	1.390.282.667	-	-	-	1.390.282.667	1.390.282.667	-	(1.390.282.667)
Các khoản phải thu khác	95.454.293.029	15.888.148.377	-	1.980.258.233.748	1.932.436.557.912	143.275.968.865	15.888.248.266	-	(4.148.653.063)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	15.010.052.756	-	-	1.064.341.675.291	1.058.535.169.609	20.816.558.438	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư, margin	78.429.032.577	13.970.236.377	-	915.916.256.995	873.898.122.271	120.447.167.301	13.970.236.377	-	(2.230.641.174)
- Phải thu khác	2.015.207.696	1.917.912.000	-	301.462	3.266.032	2.012.243.126	1.918.011.889	-	(1.918.011.889)
	114.571.268.090	17.377.357.044	-	2.000.572.628.914	1.958.100.874.083	157.043.022.921	17.395.456.933	-	(5.655.861.730)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(3.407.120.667)	-
Số trích lập trong kỳ	(2.248.741.063)	(58.600.000)
Số dư cuối kỳ	(5.655.861.730)	(58.600.000)

7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	786.301.000	763.400.889
	786.301.000	763.400.889

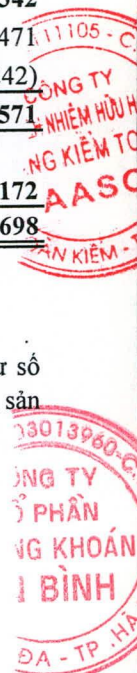
8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	9.473.500.210	16.732.581.304	3.042.161.000	29.248.242.514
Mua sắm mới	-	32.850.000	-	32.850.000
Giảm khác (*)	-	(330.706.245)	-	(330.706.245)
Số dư cuối kỳ	9.473.500.210	16.434.725.059	3.042.161.000	28.950.386.269
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	78.945.835	11.169.799.968	1.566.327.539	12.815.073.342
Trích khấu hao	189.470.004	409.808.991	373.179.476	972.458.471
Giảm khác (*)	-	(188.864.242)	-	(188.864.242)
Số dư cuối kỳ	268.415.839	11.390.744.717	1.939.507.015	13.598.667.571
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu kỳ	9.394.554.375	5.562.781.336	1.475.833.461	16.433.169.172
Số dư cuối kỳ	9.205.084.371	5.043.980.342	1.102.653.985	15.351.718.698

Trong đó

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.404.357.707 VND.

(*): Điều chỉnh giảm các tài sản không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	63.500.000.000	26.581.031.385	90.081.031.385
Mua sắm mới	61.500.000.000	-	61.500.000.000
Giảm khác	-	(20.000.000)	(20.000.000)
Số dư cuối kỳ	125.000.000.000	26.561.031.385	151.561.031.385
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	-	12.041.102.242	12.041.102.242
Trích khấu hao	-	1.630.891.928	1.630.891.928
Giảm khác	-	(7.074.079)	(7.074.079)
Số dư cuối kỳ	-	13.664.920.091	13.664.920.091
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	63.500.000.000	14.539.929.143	78.039.929.143
Tại ngày cuối kỳ	125.000.000.000	12.896.111.294	137.896.111.294

10 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Giá trị trên sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Đầu tư dài hạn khác				
Góp vốn vào Công ty Tài chính cổ phần				
Điện lực	2.000.000	20.000.000.000	2.000.000	20.000.000.000
	<u>2.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>	<u>2.000.000</u>	<u>20.000.000.000</u>

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	165.058.379	437.156.503
Số tăng trong kỳ	250.540.510	274.831.380
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(161.133.302)	(363.761.844)
Số dư cuối kỳ	<u>254.465.587</u>	<u>348.226.539</u>
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:		
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	254.465.587	165.058.379
	<u>254.465.587</u>	<u>165.058.379</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

12 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	6.708.580.222	5.983.133.220
Tiền nộp bổ sung	69.157.806	185.584.101
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	724.644.246	539.862.901
Số dư cuối kỳ	7.502.382.274	6.708.580.222

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	1.738.028.154.835	(1.633.000.000.000)	105.028.154.835
- Ngân hàng	-	1.738.028.154.835	(1.633.000.000.000)	105.028.154.835
	-	1.738.028.154.835	(1.633.000.000.000)	105.028.154.835

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội ⁽¹⁾	105.028.154.835	-
	105.028.154.835	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(1) Bao gồm các hợp đồng sau:

1.1 Hợp đồng tín dụng số 86.13/HĐTD/II ngày 28/06/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền: 42 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: chiết khấu hợp đồng tiền gửi;
- + Thời hạn vay: 3 ngày kể từ ngày rút tiền vay;
- + Lãi suất cho vay: 11,2%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cầm cố hợp đồng tiền gửi kỳ hạn, tổng giá trị 42 tỷ đồng;

1.2 Hợp đồng tín dụng số 87.13/HĐTD/II ngày 28/06/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền: 43 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: chiết khấu hợp đồng tiền gửi;
- + Thời hạn vay: 3 ngày kể từ ngày rút tiền vay;
- + Lãi suất cho vay: 11,3%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Cầm cố các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn, tổng giá trị 43 tỷ đồng;

1.3 Các hợp đồng tín dụng 3 bên giữa Ngân hàng TMCP An Bình, Công ty CP Chứng khoán An Bình và khách hàng mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 20.028.154.835 đồng;
- + Mục đích vay: cung cấp hỗ trợ tín dụng cho nhà đầu tư;
- + Thời hạn vay: 3 ngày kể từ 28/06/2013, hết hạn ngày 01/07/2013;
- + Lãi suất cho vay: 14,5%/năm.
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	12.065.722	27.110.910
Thuế Thu nhập cá nhân	597.925.805	346.280.526
	609.991.527	373.391.436

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	586.518.545	569.700.999
	586.518.545	569.700.999

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	71.919.600	-
Bảo hiểm y tế	13.393.800	-
Bảo hiểm thất nghiệp	5.901.400	-
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	114.239.275.152	74.320.478.006
Phải trả về quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của khách hàng	1.340.000	190.182.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.152.694.978	792.207.020
	116.484.524.930	75.302.867.026

17 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	207.985.369	194.067.423
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	108.244.000	128.597.995
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	354.513.700	239.014.083
	670.743.069	561.679.501

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

18 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012				
Số dư đầu kỳ	397.000.000.000	5.973.357.884	(32.195.089.851)	370.778.268.033
Lãi trong kỳ	-	-	4.545.510.784	4.545.510.784
Số dư cuối kỳ	397.000.000.000	5.973.357.884	(27.649.579.067)	375.323.778.817
Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013				
Số dư đầu kỳ	397.000.000.000	5.973.357.884	(25.832.177.545)	377.141.180.339
Lãi trong kỳ	-	-	2.696.480.725	2.696.480.725
Số dư cuối kỳ	397.000.000.000	5.973.357.884	(23.135.696.820)	379.837.661.064

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	42,50%	168.705.620.000	42,50%	168.705.620.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	28,93%	114.868.530.000	28,93%	114.868.530.000
Ngân hàng TMCP An Bình	5,20%	20.650.000.000	8,65%	34.350.000.000
Ông Đào Mạnh Kháng	6,34%	25.150.000.000	6,34%	25.150.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17,03%	67.625.850.000	13,58%	53.925.850.000
	100%	397.000.000.000	100%	397.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ	397.000.000.000	397.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	397.000.000.000	397.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.700.000	39.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.700.000	39.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

19 . DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Doanh thu	23.876.469.464	33.975.796.674
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.333.554.616	11.095.651.378
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	207.341.522	2.362.183.488
- Doanh thu hoạt động tư vấn	834.941.380	302.414.292
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	728.636.976	539.409.746
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	145.366.547	-
- Doanh thu khác	12.626.628.423	19.676.137.770
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	23.876.469.464	33.975.796.674

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.742.984.636	4.109.752.726
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	73.162.363	6.527.380.538
Chi phí hoạt động tư vấn	56.000.000	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	788.751.305	973.864.931
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(43.994.492)	(1.213.494.933)
Chi phí khác	686.578.798	2.136.502.461
	4.303.482.610	12.534.005.723

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.301.804.892	7.054.775.470
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	447.593.538	308.431.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.603.350.399	2.956.745.094
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	11.000.000
Chi phí dự phòng	2.248.741.063	58.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.694.304.718	899.763.190
Chi phí khác bằng tiền	1.592.350.445	5.090.181.216
	16.897.145.055	16.379.496.677

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

22 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.696.480.725	4.545.510.784
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.696.480.725)	(4.545.510.784)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.964.833.377)	(1.607.389.072)
- Chuyển lỗ các năm trước	(731.647.348)	(2.938.121.712)
Tổng thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	-	-

23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.696.480.725	4.545.510.784
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.696.480.725	4.545.510.784
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	39.700.000	39.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	68	114

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong kỳ, các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	199.995.806.767	-	102.136.943.628	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	156.528.397.128	(5.655.861.730)	111.036.549.690	(3.407.120.667)
Đầu tư ngắn hạn	92.020.101.774	(23.524.034.683)	81.505.259.911	(23.568.029.175)
Đầu tư dài hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
	468.544.305.669	(29.179.896.413)	314.678.753.229	(26.975.149.842)
Giá trị sổ kế toán				
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			105.028.154.835	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác			117.939.248.361	76.664.348.571
Chi phí phải trả			586.518.545	569.700.999
			223.553.921.741	77.234.049.570

Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan. Vì vậy, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	199.995.806.767	-	-	199.995.806.767
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	150.872.535.398	-	-	150.872.535.398
Đầu tư ngắn hạn	68.496.067.091	-	-	68.496.067.091
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	419.364.409.256	20.000.000.000	-	439.364.409.256
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.136.943.628	-	-	102.136.943.628
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	107.629.429.023	-	-	107.629.429.023
Đầu tư ngắn hạn	57.937.230.736	-	-	57.937.230.736
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
	267.703.603.387	20.000.000.000	-	287.703.603.387

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Vay và nợ	105.028.154.835	-	-	105.028.154.835
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	117.939.248.361	-	-	117.939.248.361
Chi phí phải trả	586.518.545	-	-	586.518.545
	<u>223.553.921.741</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>223.553.921.741</u>
Tại 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	76.664.348.571	-	-	76.664.348.571
Chi phí phải trả	569.700.999	-	-	569.700.999
	<u>77.234.049.570</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>77.234.049.570</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động môi giới và đầu tư chứng khoán	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn	Các hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	9.540.896.138	12.626.628.423	1.708.944.903	23.876.469.464	-	23.876.469.464
Chi phí bộ phận trực tiếp	2.772.152.507	686.578.798	844.751.305	4.303.482.610	-	4.303.482.610
Chi phí phân bổ	5.853.415.694	7.746.537.003	3.297.192.358	16.897.145.055	-	16.897.145.055
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	915.327.937	4.193.512.622	(2.432.998.760)	2.675.841.799	-	2.675.841.799
Tài sản bộ phận trực tiếp	369.929.903.125	206.686.037.652	27.973.821.573	604.589.762.350	-	604.589.762.350
Tổng tài sản	369.929.903.125	206.686.037.652	27.973.821.573	604.589.762.350	-	604.589.762.350
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	89.809.611.861	118.855.983.901	16.086.505.524	224.752.101.286	-	224.752.101.286
Tổng nợ phải trả	89.809.611.861	118.855.983.901	16.086.505.524	224.752.101.286	-	224.752.101.286

Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH101 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Vay vốn			
- Ngân hàng TMCP An Bình	(1)	1.738.028.154.835	263.169.996.361
Lãi vay đã trả trong kỳ			
- Ngân hàng TMCP An Bình	(1)	663.526.840	2.116.183.691

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP An Bình	(1)	47.828.111.652	47.828.111.652
Vay ngắn hạn			
- Ngân hàng TMCP An Bình	(1)	105.028.154.835	-

(1) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Ngân hàng TMCP An Bình.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013 VND	6 tháng đầu năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	240.000.000	300.000.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Vân

Lương Thành Trung

Nguyễn Thanh Hải